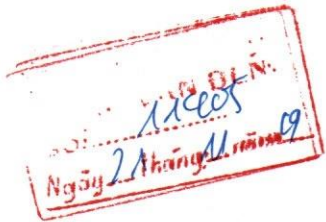


Số: 882/TB-VKSTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2019



THÔNG BÁO

Rút kinh nghiệm trong việc giải quyết án ma túy

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Lê Trọng Thanh cùng đồng phạm bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh P khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án ma túy – Vụ 4) thấy cần rút kinh nghiệm trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án như sau:

1. Tóm tắt nội dung vụ án

Hồi 08h50 ngày 05/7/2012, tại Văn phòng xe khách Cúc Tư (địa chỉ số 65 Lê Lợi phường 2 thành phố T, tỉnh P), Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh P bắt quả tang Nguyễn Thị Ngọc Sương và Võ Thị Thu Phụng đang nhận một thùng hàng bên trong có cất giấu ma túy. Kết quả giám định xác định là chế phẩm Heroine, trọng lượng 14,5519 gam.

Quá trình điều tra xác định, từ ngày 25/3/2012 đến ngày 04/7/2012, Lê Trọng Thanh trực tiếp 17 lần dùng các tên Hùng, Long, Trường, Hiếu gửi tổng cộng 213.600.000 đồng và đưa cho Nguyễn Thị Ngọc Sương 10 lần tổng cộng 125.800.000 đồng, Sương dùng các tên là Nguyễn Thị Ngọc Sương, Lê Thị Ngọc Linh, Võ Thị Yến Vy, Linh, Hùng, Thảo, Hoa gửi tiền vào thành phố Hồ Chí Minh cho Từ Phạm Quang Vinh để mua ma túy qua Văn phòng xe khách Thuận Thảo (địa chỉ 227 Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố T). Sau khi Thanh và Sương gửi tiền, Vinh và vợ là Nguyễn Hồng Ngọc Anh đến Văn phòng xe khách Thuận Thảo (địa chỉ 196 Quốc lộ 13, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) nhận tiền. Vinh trực tiếp nhận 16 lần với tổng số tiền là 215.800.000 đồng và nhờ Ngọc Anh nhận 11 lần tổng số tiền 123.600.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Ngọc Anh giao tiền cho Vinh, Vinh đã mua ma túy để gửi về thành phố T cho Thanh thông qua dịch vụ xe khách tuyến thành phố Hồ Chí Minh - thành phố T, tỉnh P.

2. Quá trình giải quyết vụ án

Ngày 13/7/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Ngọc Sương, Võ Thị Thu Phụng và Lê Trọng Thanh về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại Điều 194 BLHS năm 1999; Quyết định chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh P để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 28/3/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T có Kết luận điều tra đề nghị truy tố Võ Thị Thu Phượng và Nguyễn Thị Ngọc Sương về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; Lê Trọng Thanh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999.

Ngày 22/4/2013, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ra Quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để điều tra bổ sung yêu cầu làm rõ vai trò đồng phạm của Từ Phạm Quang Vinh và Nguyễn Hồng Ngọc Anh. Trong quá trình điều tra bổ sung, Từ Phạm Quang Vinh bỏ trốn, còn Nguyễn Hồng Ngọc Anh lúc đầu khai nhận đã 11 lần nhận tiền do Thanh và Sương gửi vào để đưa cho chồng và biết tiền đó để mua ma túy gửi ra thành phố T tỉnh P. Trên cơ sở đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Từ Phạm Quang Vinh và Nguyễn Hồng Ngọc Anh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại Điều 194 BLHS năm 1999, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã ra Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can đối với Vinh và Ngọc Anh. Sau khi khởi tố bị can, Nguyễn Hồng Ngọc Anh thay đổi lời khai, chỉ thừa nhận có nhận tiền giúp chồng, nhưng không biết tiền đó dùng vào việc mua bán ma túy. Việc khai nhận trước đó do bị ép cung, trong tình trạng đang có thai. Ngoài lần khai nhận tội ban đầu, không có chứng cứ nào khác để buộc tội Nguyễn Hồng Ngọc Anh. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra vẫn ban hành Kết luận điều tra đề nghị truy tố đối với Nguyễn Hồng Ngọc Anh, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh P vẫn có Cáo trạng truy tố các bị can, trong đó có Nguyễn Hồng Ngọc Anh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2014/HSST ngày 25/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt Lê Trọng Thanh 11 năm tù, Nguyễn Thị Ngọc Sương 08 năm tù, Nguyễn Hồng Ngọc Anh 07 năm tù và Võ Thị Thu Phượng 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” mặc dù Nguyễn Hồng Ngọc Anh vẫn không nhận tội. Do Từ Phạm Quang Vinh bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã quyết định truy nã, Quyết định tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra, khi nào bắt được xử lý sau.

Bản án hình sự phúc thẩm số 121/2014/HSPT ngày 16/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh P quyết định chấp nhận kháng cáo sửa một phần bản án sơ thẩm đối với Nguyễn Thị Ngọc Sương; hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với Nguyễn Hồng Ngọc Anh.

Trong quá trình điều tra lại vụ án đối với Nguyễn Hồng Ngọc Anh, ngày 26/01/2015, Từ Phạm Quang Vinh bị bắt theo Quyết định truy nã. Vinh khai không nói cho vợ là Nguyễn Hồng Ngọc Anh biết tiền nhận hộ được dùng để mua chất ma túy. Một số Biên bản hỏi cung Nguyễn Hồng Ngọc Anh có nội dung viết thêm thể hiện bị can biết tiền nhận hộ chồng được dùng vào việc mua bán chất ma túy nhưng không có chữ ký của bị can xác nhận phần ghi thêm này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã có Kết luận điều tra đề nghị truy tố Từ Phạm Quang Vinh và Nguyễn Hồng Ngọc Anh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát hiện tại các bút lục số 478, 818, 824 có dấu hiệu Điều tra viên viết thêm những nội dung có tính chất buộc tội bị can nên đã ba lần ra Quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung, yêu cầu giám định chữ viết của Điều tra viên nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện, tiếp tục chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát đề nghị truy tố Từ Phạm Quang Vinh và Nguyễn Hồng Ngọc Anh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 23/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T quyết định truy tố Từ Phạm Quang Vinh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999. Đồng thời, quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can Nguyễn Hồng Ngọc Anh để chờ kết quả trưng cầu giám định.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T quyết định trưng cầu giám định chữ viết đối với đoạn viết thêm trong các Biên bản hỏi cung bị can do Điều tra viên lập tại các bút lục số 478, 818 và 824. Ngày 11/9/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P có Kết luận giám định, xác định: Chữ viết của Điều tra viên tại các dòng chữ yêu cầu giám định so với chữ viết còn lại trên tài liệu gửi giám định là do cùng một người viết ra. Ngày 07/3/2019, Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng Kết luận giám định, xác định: Nội dung chữ viết “*Khi nhận tiền tôi biết tiền này đưa chồng tôi là mua Hêrôin (ma túy) gửi về tỉnh P vì chồng tôi nói cho tôi biết*” (dòng 18, 19 tính từ trên xuống) và “*Khi nhận tiền lần đầu tôi không biết là để mua ma túy các lần sau tôi biết và*” (dòng 24, 25 tính từ trên xuống); “*Việc vợ tôi nhận tiền đưa cho tôi thì biết tiền này mua ma túy gửi cho Thanh*” (dòng 16, 17 tính từ trên xuống) và “*Tất cả số tiền mà vợ tôi đưa cho tôi đều biết để mua ma túy*” (dòng 05, 06 tính từ dưới lên); “*Khi nhận tiền đưa tôi vợ tôi biết tiền này mua ma túy gửi cho Thanh ở thành phố T*” (dòng 14, 15 tính từ trên xuống) tại bút lục số 478, 818 và 824 là được viết thêm, không cùng thời điểm với nội dung còn lại trên tài liệu cần giám định.

Căn cứ vào Kết luận giám định, ngày 31/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T áp dụng điểm b khoản 1 Điều 230 BLTTHS năm 2015 quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can Nguyễn Hồng Ngọc Anh. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh P kiểm sát việc đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can xác định là có căn cứ, đúng pháp luật. Điều tra viên đã bị Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao khởi tố điều tra về tội “Làm sai lệch hồ sơ vụ án”.

3. Những thiếu sót, vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án cần rút kinh nghiệm

- Thứ nhất, Các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố T đã dựa trên lời khai nhận tội duy nhất của Nguyễn Hồng Ngọc Anh để khởi tố bị can. Quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Hồng Ngọc Anh đã thay đổi lời khai, cho rằng trước đó đã nhận tội là do bị Điều tra viên ép cung, mớm cung trong tình trạng Nguyễn Hồng Ngọc Anh đang mang thai. Tuy nhiên, các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố T vẫn buộc tội, Nguyễn Hồng Ngọc Anh đã bị tuyên phạt mức án 7

năm tù giam. Như vậy, cả Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án thành phố T đã vi phạm Điều 72 BLTTHS năm 2003 “Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ, nếu phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội”. Khi Bản án hình sự sơ thẩm bị hủy, phải điều tra lại, Điều tra viên không thu thập được chứng cứ nào mới, mà lại viết thêm nguy tạo nội dung trong Biên bản hỏi cung của vợ chồng bị can để buộc tội Nguyễn Hồng Ngọc Anh. Hết thời hạn điều tra, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra Công an thành phố T mới áp dụng điểm b khoản 1 Điều 230 BLTTHS năm 2015 để đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can Nguyễn Hồng Ngọc Anh.

- Thứ hai, chưa thực hiện đầy đủ quy định Điều 132 BLTTHS năm 2003.

Tại Biên bản hỏi cung hồi 08 giờ ngày 13/6/2013 của Nguyễn Hồng Ngọc Anh đã được Điều tra viên ghi thêm “*Khi nhận tiền tôi biết tiền này đưa chồng tôi là mua Hêrôin (ma túy) gửi về tỉnh P vì chồng tôi nói cho tôi biết*” (dòng 18, 19 tính từ trên xuống) và “*Khi nhận tiền lần đầu tôi không biết là để mua ma túy các lần sau tôi biết và*” tại bút lục 478; Tại biên bản hỏi cung bị can Từ Phạm Quang Vinh lúc 10h ngày 29/6/2015 (bút lục 883) chỉ có chữ ký của cán bộ điều tra mà không có chữ ký của Điều tra viên và bị can; các biên bản hỏi cung bị can Vinh và Ngọc Anh (bút lục 478, 818, 824) Điều tra viên đã viết thêm nội dung có tính chất buộc tội bị can là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không được sử dụng làm chứng cứ buộc tội đối với bị can Nguyễn Hồng Ngọc Anh.

Điều 132 BLTTHS quy định: Biên bản hỏi cung bị can

“1... Nghiêm cấm Điều tra viên tự mình thêm, bớt hoặc sửa chữa lời khai của bị can.

2....Trong trường hợp có bổ sung và sửa chữa biên bản thì bị can và Điều tra viên cùng ký xác nhận...”.

- Thứ ba, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 131 BLTTHS năm 2003; Điều 24 Quy chế Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự (ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao) về Kiểm sát việc hỏi cung bị can.

Lời khai ban đầu hồi 10h30 ngày 20/3/2013, Nguyễn Hồng Ngọc Anh khai đi nhận tiền giúp chồng là Từ Phạm Quang Vinh và được chồng cho biết là tiền ở thành phố T, tỉnh P gửi vào để mua ma túy gửi về tỉnh P; bản tự khai cùng ngày đối tượng Ngọc Anh cũng thừa nhận việc đi nhận tiền giúp chồng và biết đó là tiền mua ma túy. Sau khi bị khởi tố bị can, Ngọc Anh không thừa nhận lời khai ban đầu, khai lại rằng chỉ biết đi nhận tiền giúp chồng, không biết đó là tiền mua bán ma túy. Kiểm sát viên không phối hợp với Điều tra viên hoặc trực tiếp tiến hành hỏi cung bị can để làm rõ có đủ căn cứ để khởi tố bị can hay không trước khi Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can.

Điều 131 BLTTHS quy định: Hỏi cung bị can “3. Trong trường hợp cần thiết, Kiểm sát viên có thể hỏi cung bị can.”

Điều 24 Quy chế quy định “Trong quá trình điều tra vụ án, Kiểm sát viên trực tiếp gặp, hỏi cung bị can khi ...hoặc bị can kêu oan, lời khai của bị can trước sau không thống nhất, lúc nhận tội, lúc chối tội;...”.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 4) thông báo để rút kinh nghiệm chung. / *huc*

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Huy Tiến, PVT VKSTC (b/c);
- VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- VP VKSTC;
- Lưu: VT, V4.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ
VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA ÁN MA TÚY**



Nguyễn Văn Hải